

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2025/DS - ST

Ngày: 22 - 01 - 2025

V/v tranh chấp Hợp đồng hợp tác
chăn nuôi gia công heo

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Lan

2. Ông Nguyễn Quang Hợp

Thư ký phiên tòa: Ông Ma Đình Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 54/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng hợp tác gia công chăn nuôi heo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần C (M)

Địa chỉ trụ sở chính: Thị tứ B, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Cao B - Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần C (M).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 07/2023/GUQ - MFA ngày 16/10/2023 của Giám đốc Công ty Cổ phần C (M):

+ Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1978 (Có mặt)

+ Bà Dương Thị Thanh T, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng H, Tòa nhà H, số F N, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1964 (Có mặt tại phiên tòa ngày 17/01/2025, vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/01/2025)

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn T1, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị H1 theo Giấy ủy quyền ngày 27/11/2023, số chứng thực số 46, quyền số 1/2023 - SCT/CK,ĐC Ủy ban nhân

dân thị trấn Q, huyện Đ: Ông Trần Văn K, sinh năm 1964 (Có mặt tại phiên tòa ngày 17/01/2025, vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/01/2025 khi tuyên án).

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Dương Văn H2, sinh năm 1965 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Trung H3, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà H, số F N, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

4. Người làm chứng: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố I, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 27/10/2023; Đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 10/12/2024, Bản tự khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Cổ phần C (Mavin Farm) trình bày:

Ngày 10/3/2013 Công ty Cổ phần C (Công ty) ký Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công heo số 10/2023/HĐGCH - MFA với ông Trần Văn K, địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn Q, huyện Đ. Việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và dựa trên sự thỏa thuận của các bên.

Theo Hợp đồng hai bên ký kết: Trang trại do ông K làm chủ sẽ nhận chăn nuôi gia công heo (lợn) thịt cho Công ty, số lượng heo căn cứ theo thỏa thuận của hai bên trước khi bàn giao và phù hợp với quy mô chuồng nuôi; Công ty sẽ giao heo con cho trại ông K theo tiêu chuẩn quy định trong hợp đồng và cung cấp thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và vắc xin; Công ty sẽ nhận lại sản phẩm là heo thịt có trọng lượng từ 110 - 120kg /1 con, thời gian nuôi mỗi lứa nuôi trong khoảng 3 - 5 tháng, Công ty được quyền nhận lại sản phẩm là heo thịt có trọng lượng thấp hơn 90kg hoặc có thời gian nuôi thấp hơn 3 tháng mà trại ông K không được cản trở; Thời hạn hợp đồng là 03 năm; Về thanh toán tiền nuôi gia công, trong vòng 7 ngày kể từ ngày kết thúc lứa nuôi, hai bên cùng đối chiếu toàn bộ vật tư đầu vào, vật tư phát sinh trong quá trình chăn nuôi, các chi phí khác và tiến hành lập hồ sơ thanh toán bao gồm các giấy tờ nêu trong hợp đồng. Trên cơ sở hoàn thiện hồ sơ thanh toán của ông K, tiền nuôi gia công sẽ được Công ty thanh toán trong thời hạn 14 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán của ông K. Trong trường hợp nhận thấy chất lượng nuôi không bình thường thì Công ty có quyền trao đổi với ông K để cùng khắc phục, có thể dẫn đến việc chậm trả tiền trong 21 ngày và được xem như không vi phạm hợp đồng; Nếu bên nào vi phạm Hợp đồng thì bên kia sẽ được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Nếu phát sinh tranh chấp hai bên có thể bàn bạc giải quyết, nếu không thể giải quyết được thì được thông qua thương lượng và hòa giải thì có thể khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã thực hiện đúng theo hợp, chuyển heo con theo đúng tiêu chuẩn quy định trong hợp đồng tới trại để ông K chăn nuôi, Công ty cũng cung cấp thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và vắc xin đầy đủ cho trại ông K. Trong quá trình chăn nuôi Công ty không nhận được bất cứ ý kiến nào của phía

trại ông K về chất lượng con giống, thức ăn, thuốc, vắc xin. Theo hợp đồng mỗi lứa nuôi tính theo tuổi heo con và có đánh số trên tai heo, thông thường là mỗi chuồng nuôi sẽ là một lứa. Sau khi xuất chuồng mỗi lứa heo (đóng chuồng), hai bên tính toán xong về tiền gia công của mỗi lứa nuôi (chuồng nuôi), khi nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán của ông K, Công ty đều thanh toán tiền gia công cho ông K đúng quy định và đúng thời hạn.

Trong đó, chuồng nuôi số 4 có tranh chấp được tính là một lứa nuôi. Ngày 6/5/2023 Công ty đã bàn giao cho trại ông K 784 con heo con, tổng trọng lượng là 10.897kg, tương đương mỗi con 13,90kg để chăn nuôi tại chuồng 4 của trại, việc bàn giao được lập thành văn bản.

Quá trình chăn nuôi: Số lượng heo yếu, bệnh, chết làm giảm số lượng heo tại chuồng 4 hai bên đã cùng kiểm kê, thống nhất trên văn bản tính đến ngày 03/10/2023 là 283 con (tương đương 36,1% tổng đàn heo chuồng 4).

Ngày 21/9/2023, Công ty và trại ông K đã thống nhất xuất chuồng đợt heo đầu tiên của chuồng 4 với số lượng 249 con. Ngày 29/9/2023 Công ty và trại tiếp tục thống nhất xuất chuồng 170 con heo tại chuồng 4. Tổng hai lần xuất chuồng là 419 con heo, trọng lượng là 52.827kg. Ngày 30/9/2023 Công ty đã gửi thông báo đến trang trại đề nghị cho xuất chuồng số heo còn lại (tại thời điểm đó chuồng 4 vẫn còn 103 con), nhưng ông K không đồng ý. Đến ngày 4/10/2023 Công ty tiếp tục gửi thông báo đề nghị ông K cho xuất chuồng số heo còn lại lần thứ 2 (thời điểm đó số lượng heo chuồng 4 còn lại là 82 con, đã yếu, bệnh, chết 21 con) đồng thời cử nhân viên trực tiếp lên làm việc với ông K đề nghị cho xuất chuồng nốt số heo còn lại tại chuồng 4 vì càng để lại lâu nguy cơ heo yếu, bệnh, chết càng tăng, thiệt hại càng lớn vì thời điểm đó heo đã nuôi quá thời hạn, nhưng ông K không đồng ý. Ngày 11/10/2023 Công ty có văn bản số 137/2023/CV - MFA gửi ông K với 02 nội dung: Một là thông báo về hồ sơ thanh toán tiền nuôi gia công của chuồng 8 sẽ tạm dừng tới khi nào trại ông K giải trình, làm rõ về chất lượng chăn nuôi không bình thường; Hai là xác định ông K đã vi phạm hợp đồng nên Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông K. Yêu cầu ông K bồi thường cho Công ty giá trị 82 con heo tương đương mỗi con heo 6.199.600 đồng, tổng tiền là 508.367.200 đồng. Trường hợp đến hết ngày 15/10/2023 nếu ông K không bồi thường cho Công ty số tiền trên thì Công ty sẽ khởi kiện lên Tòa án có thẩm quyền. Đồng thời, ngày 11/10/2023 Công ty cũng dừng việc giao thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc xin cho trại ông K.

Hết thời hạn thông báo trên, ông K không thực hiện bồi thường, nên ngày 16/10/2023 Công ty đã gửi Đơn khởi kiện tới Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, khởi kiện yêu cầu ông K bồi thường thiệt hại 82 con heo, mỗi con tương đương 6.199.600 đồng, tổng là 508.367.200 đồng.

Quá trình chờ Tòa án xem xét, giải quyết đơn khởi kiện, mục đích nhằm giảm thiểu nhất về thiệt hại, Công ty tiếp tục đàm phán với ông K để hai bên có thể tự giải quyết. Tới ngày 23/10/2023 sau nhiều lần đàm phán, Công ty nhận được chấp thuận của phía ông K cho xuất chuồng nốt số heo còn lại của chuồng 4, lúc này số lượng heo còn lại tại chuồng 4 chỉ còn 70 con (12 con Công ty không rõ đã bệnh chết hay đã đi đâu) với điều kiện Công ty phải thanh toán hết

tiền gia công chuồng 8 cho trại trước khi mang số heo chuồng 4 ra khỏi trại và sau khi chuyển heo xong sẽ thanh toán tiền gia công chuồng 4. Thời điểm đó mặc dù hồ sơ của ông K đề nghị thanh toán tiền nuôi gia công chuồng 8 chưa đảm bảo theo đúng hợp đồng hai bên ký kết, trại ông K cũng chưa giải trình, làm rõ về chất lượng nuôi không bình thường của chuồng 8, nhưng để ông K cho xuất nốt số heo còn lại tại chuồng 4 và nhằm giảm thiểu thấp nhất thiệt hại vì số heo tại chuồng 4 đã quá thời gian nuôi, heo chết từng ngày nên Công ty đồng ý với yêu cầu của trại ông K là sẽ thanh toán tiền công chuồng 8 rồi mới cho heo chuồng 4 lên xe.

Ngày 23/10/2023, Công ty đã điều 02 xe tải BKS 89C - 14306 và BKS 89C - 09303 lên trại ông K để bắt heo, tổng số heo được đưa lên xe là 70 con, cân xác định trọng lượng là 9.973kg, tiến hành kẹp chì niêm phong sẵn sàng cho việc di chuyển và Công ty cũng đã thanh toán xong cho ông K tiền gia công chuồng 8 theo đúng như thỏa thuận thì ông K cho đóng cổng trại và cho xe bán tải BKS 20C - 161.07 chặn trước cổng không cho 02 xe tải chứa lợn của Công ty rời đi. Mặc dù Ủy ban nhân dân thị trấn Q cử người vào làm việc, cho hai bên thương lượng hòa giải, nhưng trại ông K cương quyết không mở cổng cho 2 xe tải chở heo của Công ty D, ông K cương quyết yêu cầu Công ty phải thanh toán xong tiền công chăn nuôi chuồng 4 mới cho xe di chuyển, trong khi đó hai bên chưa ngồi lại tính toán đối khớp tiền gia công chuồng 4, bên ông K cũng chưa có hồ sơ thanh toán gửi Công ty. Sự việc có Vi bằng số 0995/2023/VB - TPLS1 do Văn phòng T3, địa chỉ LK5A - 12, làng V C, khu đô thị M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội thực hiện ngày 24/10/2023.

Tới ngày 26/10/2023 sau nhiều lần thương thảo và yêu cầu ông K phải cho xe trở heo rời trại không thành, trước nguy cơ 70 con lợn đã bị nhốt trên xe nhiều ngày sẽ yếu, bệnh, chết thiệt hại lớn có thể xảy ra, hai nhân viên được Giám đốc Công ty cử đi giải quyết 2 xe tải heo bị giữ tại trại ông K là ông Nguyễn Trung H3 và ông Dương Văn H2 đã đồng ý bàn giao lại 30 con heo cho trại, tại thời điểm đó chưa xác định được tiền công chăn nuôi chuồng 4 của ông K là bao nhiêu nên ông H2 ông H3 chỉ đồng ý thả 30 con heo xuống xe giao lại cho trại ông K để sau khi hai bên tính toán tiền gia công chăn nuôi xong xuôi sẽ đối trừ 30 con heo vào tiền gia công cho trại ông K. Việc thỏa thuận bàn giao được ông Đ công chức tư pháp lập biên bản viết tay vào hồi 10h45 phút ngày 26/10/2023. Do ông Đ lập biên bản viết tay nên nhiều ý trong văn bản không thể chứng sửa, thêm bớt, do đó khi ký tên bên dưới biên bản ông H2, ông H3 đã ghi rõ "*Tôi đồng ý bàn giao ba mươi con cho trại*" ngoài ra ông H2, ông H3 không thỏa thuận và quyết định thay Công ty những nội dung khác. Sau khi ký biên bản do ông Đ công chức tư pháp lập, về phía Công ty cũng lập biên bản làm việc về việc cắt kẹp chì và thả heo xuống xe, có chữ ký của ông K chủ trại, anh T1 con trai ông K, có ký chứng kiến của ông Đ công chức tư pháp thị trấn Q, hai bên thống nhất Công ty sẽ bàn giao lại cho trại 30 con heo, trọng lượng trung bình 142kg/ 1 con, ngoài ra không có nội dung thống nhất nào khác.

Ngày 27/10/2023, Công ty có đơn khởi kiện bổ sung gửi tới Tòa án nhân dân huyện Đại Từ. Yêu cầu ông K phải bồi thường thiệt hại cho Công ty C liên

quan đến chuồng nuôi số 4. Số tiền yêu cầu ông K phải trả cho Công ty T4 thiệt hại 30 con heo nhân với giá 6.199.600 đồng /1 con heo bằng 185,988,000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án: Ngày 10/12/2024 Công ty có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Theo đó, căn cứ trên hồ sơ xuất heo giá bán heo tại thời điểm xuất trung bình là 54.000.000 đồng /1 kg, trọng lượng 30 con heo là 4.309 nhân 54.000 đồng / 1kg bằng 232.670.000 đồng. Công ty yêu cầu ông K phải thanh toán số tiền thiệt hại cho Công ty là 232.670.000 đồng. Đối với số tiền công chăn nuôi chuồng 4, căn cứ theo Hợp đồng ông K được hưởng:

Theo Bảng tổng hợp chuyển heo về kho (không tính 30 con đã bàn giao lại cho trang trại) là 58.301kg - trọng lượng heo con khi giao là 10.897kg = 47.404 kg nhân với 2.250 đồng /1 kg = 106.659.000 đồng; T2 thưởng tỉ lệ heo chết: Tỷ lệ heo chết là 36.1% nên ông K không được hưởng; Tiền thưởng theo tỉ lệ heo loại: 7.112.100 đồng; T2 thưởng theo quãng đường từ trang trại đến nhà máy cám của C: 9.480.000 đồng; T2 thưởng theo chỉ tiêu về quy mô: 2.370.200 đồng; Tiền hỗ trợ chi phí đầu vào: 9.480.000 đồng; Tiền hỗ trợ điện; hỗ trợ môi trường: 26.072.200 đồng; T2 hỗ trợ vôi sát trùng: 1.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình chăn nuôi so với tiêu chuẩn cao hơn nên bị phạt số tiền 9.717.820 đồng. Tổng số tiền công gia công mà ông K được nhận của chuồng 4 là: 152.455.780 đồng. Công ty đồng ý thanh toán cho ông K số tiền công gia công là 152.455.780 đồng, đối trừ nghĩa vụ với số tiền yêu cầu ông K bồi thường thiệt hại là 232.670.000 đồng, buộc ông K phải bồi thường cho Công ty số tiền 80.214.220 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông K yêu cầu Công ty phải thanh toán số tiền: Tiền cám mua để chăn nuôi heo từ ngày Công ty gửi thông báo chấm dứt hợp đồng và không gửi cám lên cho trại từ ngày 11/10/2023 đến 23/10/2023 là 43.680.000 đồng; Tiền lãi do Công ty C1 thanh toán tiền gia công là 6.371.000 đồng Công ty không đồng ý.

Tại phiên tòa: Đại diện Công ty C giữ nguyên quan điểm, yêu cầu ông K phải thanh toán, bồi thường thiệt hại liên quan đến chuồng 4 cho Công ty, tuy nhiên số tiền cụ thể Công ty yêu cầu ông K phải bồi thường, thanh toán cho Công ty giá trị 29 con heo nhân với 142,47kg/1 con nhân với giá bán 54.000 đồng /1kg bằng 223.108.000 đồng, trừ đi 1 con theo ông H2 xin lại khi thả heo xuống xe. Số tiền công nuôi gia công chuồng 4 mà ông K được nhận của tổng 489 con, sau khi Công ty tính cộng cả 30 con bàn giao lại cho trại ông K ông K được nhận là 163.662.453 đồng. Đối trừ, ông K phải thanh toán cho Công ty số tiền 59.445.567 đồng.

Công ty không đồng ý với 02 yêu cầu phản tố còn lại của ông K là thanh toán tiền cám và tiền lãi. Bởi vì, bản thân ông K là người vi phạm hợp đồng, trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng và ngừng cung cấp thức ăn chăn nuôi Công ty đã rất nhiều lần yêu cầu ông K cho xuất nốt số heo tại chuồng 4 nhưng ông K cố tình không đồng ý, do đó Công ty Đ2 chấm dứt hợp đồng và dừng cung cấp cám là đúng quy định, thiệt hại tiền cám là do ông K tự mình gây ra. Đối với việc ông K yêu cầu Công ty trả tiền lãi do Công ty C1 thanh toán tiền gia công các chuồng 1, 2, 3, 5, 6 là 6.371.000 đồng là không có căn cứ, Công ty xác định

Công ty thanh toán cho ông K tiền nuôi gia công các chuồng 1,2,3,5,6 đúng thời gian quy định tại Hợp đồng, ông K xác định Công ty chậm thanh toán theo đơn phản tố thì ông K phải đưa ra căn cứ để chứng minh.

Đối với việc ông K cho rằng ngày 26/10/2023 ông H3, ông H2 giao lại 30 con heo là để thanh toán vào tiền công gia công chăn nuôi heo chuồng 4 và hợp đồng giữa hai bên kết thúc, Công ty và trại không còn vướng mắc. Công ty xác định kể từ ngày 30/9/2023 ông K đã vi phạm hợp đồng trước, không cho Công ty lấy tài sản hợp pháp của Công ty đi. Ngày 11/10/2023 sau nhiều lần ông K không cho phép Công ty thu hồi tài sản của Công ty (heo), Công ty đã có thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông K và yêu cầu ông K bồi thường thiệt hại số tiền giá trị tương đương 82 con heo chứ không phải đến ngày 26/10/2023 mới chấm dứt hợp đồng. Ngày 16/10/2023 Công ty đã có Đơn khởi kiện nộp Tòa án yêu cầu ông K bồi thường thiệt hại số tiền tương đương giá trị của 82 con heo. Ngày 26/10/2023 khi ông H3, ông H4 đồng ý bàn giao lại 30 con heo lại cho trại ông K, Công ty và ông K chưa đối chiếu các loại vật tư, chi phí phát sinh theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng để tính toán tiền công trại ông K được nhận nuôi gia công chuồng 4, do đó không biết tiền công ông K được hưởng là bao nhiêu để thanh toán. Ông H2, ông H3 cũng chỉ được giao nhiệm vụ liên quan đến việc 2 xe lợn bị giữ, không có thẩm quyền quyết định đến lĩnh vực tài chính của Công ty.

Tại phiên tòa đại diện Công ty cũng xác định, thiệt hại của Công ty B1 từ ngày 30/9/2023 vì Công ty đã yêu cầu được xuất heo, nhưng ông K không đồng ý, lúc này chuồng 4 vẫn còn 103 con heo, sau đó heo bệnh, chết rất nhiều, tuy nhiên do không có căn cứ chứng minh nên Công ty không có yêu cầu gì đối với số heo này, chỉ yêu cầu trại ông K bồi thường cho Công ty giá trị thiệt hại tương đương giá trị 29 con heo như nêu trên. Ngoài ra Công ty không còn yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn K trình bày:

Ngày 10/3/2023 ông ký Hợp đồng Hợp tác chăn nuôi gia công heo (lợn) số 10/2023/HĐGCH - MFA với Công ty Cổ phần C (M), việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, trên cơ sở có sự thoả thuận, thống nhất giữa các bên về tất cả các điều khoản nêu trong hợp đồng. Ông xác định bản hợp đồng Công ty giao nộp cho Tòa án lưu trong hồ sơ vụ án có chữ ký của ông ở các trang là chữ ký của ông và là bản hợp đồng có giá trị pháp lý.

Trang trại chăn nuôi là do ông làm chủ, được xây dựng trên đất của ông, ông là người dân xây dựng trang trại chăn nuôi, không đăng ký kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng, người trực tiếp nuôi và quản lý các công việc chăn nuôi của trang trại là con trai ông anh Trần Văn T1. Ông xác định là chủ duy nhất của trại và là người có toàn quyền quyết định các công việc liên quan đến trại. Ngày 23/3/2023 Công ty C bắt đầu giao lứa heo đầu tiên cho tới ngày 02/4/2023 thì đủ các chuồng nuôi, ông không nhớ chính xác thời gian vì người nhận bàn giao heo là con trai ông anh Trần Văn T1.

Đối với chuồng số 4 xác định là một lứa nuôi, ông không nhớ chính xác tổng con số heo con thả chuồng 4, tuy nhiên số liệu Công ty đưa ra là 784 con

heo con, tổng trọng lượng là 10.897kg ông nghĩ là đúng vì có biên bản bàn giao có chữ ký của con trai ông Trần Văn T1 là đúng. Về chất lượng con giống bàn giao cho trại chăn nuôi theo ông xác định không được chất lượng như Công ty ban đầu xác định, có phần kém chất lượng, tuy nhiên Công ty giao nuôi thì ông vẫn cứ nuôi không có ý kiến gì. Giai đoạn đầu Công ty cung cấp cám và thuốc men đầy đủ cho trại của ông chăn nuôi, đến 70 con cuối chuồng 4, từ ngày 11/10/2023 thì Công ty không cung cấp bất cứ thứ gì, trang trại của ông phải tự bỏ tiền ra mua cám, thuốc men.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty đã vi phạm thời gian thanh toán tiền công gia công các chuồng 1,2,3,5,6 theo như đơn phản tố ông đã nộp cho Tòa án. Do đó, khi Công ty đã cho xuất hết heo tại chuồng 8 đi nhưng chưa thanh toán tiền công gia công chuồng 8 cho ông và tiếp tục cho tiếp tục xuất heo chuồng 4 đi, lại không cấp heo con để trại tiếp tục chăn nuôi, ông lo sợ sau khi Công ty lấy hết số heo tại chuồng 4 đi sẽ không thanh toán tiền công cho ông, bản thân gia đình ông là người dân sẽ không biết đi đâu để kiện đòi Công ty số tiền đó, do đó ông đã giữ lại không cho xuất số heo cuối chuồng 4 và yêu cầu Công ty phải thanh toán hết toàn bộ tiền công xong cho ông mới được lấy hết heo đi. Mặc dù Công ty có nhiều lần yêu cầu ông cho xuất hết số heo chuồng 4 nhưng ông vẫn giữ nguyên quan điểm Công ty phải thanh toán toàn bộ tiền công, bao gồm cả chuồng 8 và chuồng 4 trước khi lấy hết heo đi ra khỏi trại.

Về việc xác định số ngày vi phạm chậm thanh toán tiền công các chuồng 1,2,3,5,6 ông nêu trong đơn phản tố là căn cứ vào ngày cuối cùng xuất chuồng heo (đóng chuồng) đến ngày nhận được tiền thanh toán của Công ty trừ đi 21 ngày quy định trong hợp đồng. Ông xác định việc tính toán tiền công gia công chăn nuôi của các chuồng do con trai ông là anh Trần Văn T1 và Công ty T5 đối chiếu với nhau rồi chốt tiền công cuối cùng, hồ sơ thanh toán theo như Điều 7 của hợp đồng thì ông không được làm, nhân viên của Công ty sau khi tính toán đối chiếu với anh T1 sẽ tự làm hồ sơ gửi về Công ty chứ ông không phải làm hồ sơ thanh toán. Ông chỉ biết sau ngày đóng chuồng 21 ngày Công ty phải thanh toán tiền công nuôi cho ông, thanh toán sau 21 ngày là chậm thanh toán, vi phạm hợp đồng.

Ông K xác định, quá trình chăn nuôi số lượng heo yếu, bệnh, chết làm giảm số lượng heo tại chuồng 4 hai bên đã cùng kiểm kê, thống nhất trên văn bản tính đến ngày 03/10/2023 là 283 con là đúng. Ngày 21/9/2023, Công ty và trại ông K đã thống nhất xuất chuồng đợt heo đầu tiên của chuồng 4 với số lượng 249 con. Ngày 29/9/2023 Công ty và trại tiếp tục thống nhất xuất chuồng 170 con heo tại chuồng 4. Tổng hai lần xuất chuồng là 419 con heo, trọng lượng là 52.827kg. Đến ngày 23/10/2023 chuồng ông còn lại 70 con heo trọng lượng 9.973kg, số lượng heo khác đã bị bệnh, yếu, chết.

Lý do ông không cho xuất 70 con heo, sau đó là đồng ý cho xuất 40 con, không cho xuất 30 do điều kiện của ông nêu ra trước lúc bắt heo lên xe và cũng đã nói rõ trong biên bản ngày 4/10/2023 là yêu cầu Công ty trả tiền công chuồng 8 và khi bắt heo chuồng 4 muốn mang heo đi ra khỏi trại thì phải thanh toán toàn bộ tiền gia công chuồng 4 thì trại cho mang heo đi, còn nếu không thì không cho

mang đi, nhưng Công ty không đồng ý trả tiền chuồng 4, không hện bao giờ trả, trong khi ngày 11/10/2023 Công ty đã có thông báo chấm dứt hợp đồng, Công ty đã chấm dứt hợp đồng trước nhưng lại không thanh toán tiền chuồng 4 nên ông không cho mang heo đi.

Sau quá trình thương thảo, ngày 26/10/2023 đại diện của Công ty là ông H2 và ông H3 đã đề nghị được trả công nuôi gia công chuồng 4 cho ông bằng 30 con heo, thời điểm đó ông và Công ty chưa đối chiếu để tính toán công chuồng 4, nhưng đại diện Công ty có nói ông được công khoảng 150.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng. Mặc dù ông nhận thấy lấy 30 con heo đổi vào tiền công gia công chăn nuôi chuồng 4 là không đủ, nhưng ông vẫn đồng ý vì nghĩ được bao nhiêu hay bấy nhiêu, việc thỏa thuận trên có ông Đ công chức tư pháp thị trấn Q làm chứng và có lập biên bản. Sau khi thả lợn xuống xe, ông H2 còn xin lại ông 01 con, do đó số lượng thực ông nhận lại heo là 29 con. Khi cho lợn xuống xe không cân lại, trọng lượng ghi trong biên bản là trung bình 142kg/1 con, nhưng thực tế số kg của mỗi con không được 142kg nữa, sau 3 ngày trên xe heo gần như là heo loại, sau đó ông có gọi thương lái mua quạ đồ xô cả 29 con heo với giá 90.000.000 đồng, việc mua bán không có giấy tờ, người mua là ai ông cũng không rõ tên tuổi, địa chỉ nên không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Ông xác định ngày 23/10/2023 Công ty đã thanh toán xong tiền công chuồng 8 cho ông. Đối với số tiền công chuồng 4, theo biên bản ngày 26/10/2023 Công ty đã thanh toán bằng 30 con heo để lại. Tuy nhiên, sau đó Công ty lại khởi kiện đối với ông, yêu cầu ông bồi thường thiệt hại. Do đó, ông đã làm Đơn yêu cầu phản tố ngày 27/5/2024 yêu cầu Công ty Cổ phần C (M) phải thanh toán cho ông các khoản: Tiền công chăn nuôi gia công heo chuồng 4 chưa thanh toán là 176.763.000 đồng. Những thiệt hại khác: Tiền cám mua để chăn nuôi heo từ ngày Công ty gửi thông báo chấm dứt hợp đồng và không gửi cám lên cho trại từ ngày 10/10/2023 đến 23/10/2023 là 43.680.000 đồng; Tiền lãi do Công ty C1 thanh toán tiền gia công là 6.371.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Công ty phải thanh toán cho trại là: 226.814.000 đồng.

Tại phiên tòa ông K xác định ông biết quy định nếu Công ty vi phạm hợp đồng như vi phạm thời hạn thanh toán thì ông phải khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền, tuy nhiên việc khởi kiện phức tạp, do đó ông lựa chọn cách thông thường nhất là giữ lại heo để làm tin, yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền mới cho lấy hết heo đi. Ông bán 29 con heo được 90.000.000 đồng nên đồng ý trừ đi số tiền bán 29 con heo trên, đối trừ đi yêu cầu buộc Công ty phải thanh toán cho ông số tiền chênh lệch là 136.814.000 đồng. Công ty xác định thời điểm tháng 10/2023 giá bán heo thịt là 54.000 đồng - 55.000 đồng /1 kg là cao, ông xác định tại thời điểm tháng 10/2023 giá bán heo thịt nếu heo còn khỏe mạnh và chất lượng tốt thì cao giá bán cao nhất khoảng 51.000 đồng - 52.000 đồng /1 kg.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty buộc ông phải thanh toán giá trị của 29 con heo là 223.108.000 đồng. Đối với việc tính toán tiền công chăn nuôi gia công chuồng 4 do kế toán của trang trại tính toán, ông xác định việc tính toán là đúng, ngoài những ý kiến trình bày và nêu rõ trong đơn phản tố

và các tài liệu đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án ông không có tài liệu chứng cứ nào khác.

Tại Bản tự khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn T1 trình bày:

Ngày 26/10/2023 anh H3 và anh H2 là người đại diện của Công ty C đến trại của gia đình anh, có sự chứng kiến của Cán bộ tư pháp thị trấn Q, huyện Đ là ông Đ. Sau khi đàm phán, về phía Công ty anh H3 có nói tiền gia công của trại được khoảng 160.000.000 đồng, anh có yêu cầu Công ty phải thanh toán ngay tiền gia công chuồng 4 tuy nhiên anh H3 muốn trả bằng 30 con lợn trừ vào tiền gia công, bố anh là ông K và gia đình anh đồng ý, việc thống nhất này có ông Đ lập biên bản và làm chứng. Tuy nhiên, khi lợn từ trên xe xuống thì anh H2 có xin lại 01 con, do vậy trại chỉ nhận về lại 29 con. Do đó, theo quan điểm của anh giữa Công ty và gia đình anh đã giải quyết xong không còn liên quan và trách nhiệm gì với nhau.

Ông Trần Văn K bố anh là chủ trại và đã ký kết hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công heo với Công ty C tự nguyện, trên cơ sở được thống nhất tất cả các điều khoản. Sau khi ký hợp đồng anh là người trực tiếp thực hiện việc chăn nuôi heo tại trại. Đến giai đoạn còn 70 con còn lại của chuồng 4 thì Công ty không chuyên cám và thuốc men cho trại.

Số lượng heo trại nhận lại sau đó bán cho người không rõ tên tuổi địa chỉ với giá hơn 3.000.000 đồng/ 1 con, giá bán heo 55.000 đồng /1kg Công ty đưa ra là cao. Lý do sau khi cho 70 con heo lên xe rồi trại vẫn giữ lại là trước đó đã thống nhất Công ty thanh toán tiền gia công chuồng 8, sau đó cho heo lên xe rồi thanh toán hết tiền chuồng 4. Công ty đã ra thông báo chấm dứt hợp đồng từ ngày 11/10/2023 nên đến 23/10/2023 trại không phải thực hiện theo hợp đồng. Lý do đến cuối tháng 9/2023 trại không cho xuất heo là trước đó Công ty chậm thanh toán những chuồng trước do đó yêu cầu phải thanh toán xong mới cho xuất heo đi.

Tại Bản tự khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Dương Văn H2 và ông Nguyễn Trung H3 trình bày:

Các ông là nhân viên của Công ty C. Ngày 23/10/2023 phía trại ông K đã đồng ý cho phép Công ty xuất toàn bộ số heo còn lại ở chuồng 4 với điều kiện Mavin thanh toán toàn bộ tiền gia công chuồng 8. Hồi 17h30 cùng ngày, sau khi hoàn thành việc đưa heo lên 02 xe tải, cân, kẹp chì niêm phong đầy đủ và Công ty cũng đã thanh toán tiền gia công chuồng 8 đầy đủ thì trại ông K đóng cổng và dùng xe ô tô bán tải chặn không cho 02 xe tải của Công ty rời trại. Sau nhiều giờ thương thảo không được, hồi 23 giờ đêm ngày 23/10/2023 Công ty đã trình báo Công an huyện Đ. Sau đó trong các ngày 24 và 25/10/2023 sau nhiều lần thương thảo không thành.

Ngày 26/10/2023 Giám đốc Công ty C đã có giấy ủy quyền cử 2 ông đi công tác tại trại ông K để giải quyết việc 2 xe lợn bị giữ lại. Khi được phân công đi công tác, các ông đã trình báo Ủy ban nhân dân thị trấn Q về sự việc. Khi đến

trại, có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Q, các ông đã kiên quyết yêu cầu ông K cho 2 xe ô tô của ông ty được mang heo đi nhưng ông K không đồng ý, ông K chỉ đồng ý khi Công ty thanh toán đầy đủ tiền gia công chuồng 4 cho trại. Mặc dù yêu sách của ông K là hoàn toàn trái với Hợp đồng. Dưới sự gợi ý của đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Q Công ty nên để lại số heo tương đương với giá trị tiền gia công chuồng 4 để làm tin rồi lấy số heo còn lại và 2 xe ô tô ra về. Trên tinh thần đó, đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Q đã lập biên bản bàn giao tài sản.

Trong suốt quá trình 2 xe ô tô của Công ty bị giữ lại trại và các buổi làm việc trước đó ông K đều đặt ra yêu sách phải thanh toán chuồng 4 xong mới cho xe và heo đi. Vì vậy khi ký vào biên bản bàn giao tài sản do Ủy ban thị trấn Q là ông Đ tư pháp lập, chúng tôi đã ghi nội dung “*Đồng ý bàn giao 30 con cho trại*” trước khi ký ghi rõ họ tên bên dưới.

Đối với việc giao lại 30 con heo cho trại là trong tình huống 70 con heo bị nhốt trên xe 03 ngày, nguy cơ chết, thiệt hại nên mục đích cuối cùng của các ông là để mang được heo ra khỏi trại, không phải tiền công chuồng 4 của ông K bằng 30 con heo, để 30 con heo để trừ vào tiền công. Ngoài ra các ông cũng không được quyết định các vấn đề liên quan đến việc tính toán tiền công cũng như tài chính của Công ty.

Tại bản tự khai, biên bản đối chất và tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Ông là công chức tư pháp thị trấn Q, đối với sự việc xảy ra tại trại ông Trần Văn K kể từ ngày 23/10/2023 đến 26/10/2023 ông được lãnh đạo Ủy ban cử xuống để giải quyết sự việc, không phải cử làm nhiệm vụ công vụ mà với tư cách vừa là cán bộ tư pháp của địa phương vừa có sự quen biết nên ông vào trại vừa là chứng kiến việc thương thảo thỏa thuận, vừa đưa ra phương hướng giải quyết, sao cho mọi việc kết thúc êm xuôi. Sau nhiều lần thỏa thuận, ông K yêu cầu Công ty phải thanh toán hết tiền công mới cho di chuyển lợn đi, Công ty đại diện khi đó là anh H2, anh H3 sau đó nói trả tiền công bằng 25 con heo, ông K nói 25 con heo không đủ, sau đó hai bên thỏa thuận thống nhất trả bằng 30 con heo, ông chứng kiến ra sao đã ghi rõ vào biên bản ngày 26/10/2023 như vậy. Sau khi ông H2, ông H3 ký biên bản viết tay do ông lập thì cũng tự lập một biên bản làm việc về việc bàn giao 30 con heo khác và đề nghị ông ký vào biên bản.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Việc giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ là đúng thẩm quyền; xác định đúng và đầy đủ người tham gia tố tụng.

Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 26, 35, 39,

147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều từ 542 đến 552 Bộ luật Dân sự năm 2015 quyết định:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông K phải bồi thường cho Công ty C là $(29 \text{ con heo} \times 115\text{kg}) \times 55.000\text{đ/kg} = 183.425.000$ đồng;

+ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông K yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền nuôi gia công chuồng 4 cho ông K là $47.404 \text{ kg} + (30 \text{ con heo} \times 120 \text{ kg}) = 51.004 \text{ kg} \times 3.216 \text{ đồng} = 164.028.864$ đồng.

Đổi trừ số tiền gia công của ông K là 164.028.864 đồng. Như vậy ông K phải thanh toán số tiền còn lại cho Công ty M là 19.396.136 đồng.

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông K đối với việc yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền cám nuôi 70 con heo tại chuồng 4 từ ngày 11/10/2023 đến 23/10/2023 và yêu cầu Công ty thanh toán tiền lãi chậm trả tiền nuôi heo gia công tại các chuồng 1,2,3,5,6.

+ Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn; miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông K vì là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ông K không có ý kiến gì đối với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát; Đại diện Công ty C không nhất trí với việc tính 29 con heo x 115kg, ngoài ra nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

+ *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, xét nội dung của hợp đồng Công ty sẽ cung cấp toàn bộ con giống, thức ăn, thuốc, vắc xin và kỹ thuật, ông K có chuồng trại, nhân công lao động nên nhận nuôi gia công heo thịt cho Công ty, sau mỗi lứa nuôi ông K được thanh toán tiền công nuôi trên tổng số kg heo thịt nuôi được theo quy định cách tích tại phụ lục hợp đồng, không phụ thuộc vào giá bán heo, lãi hay lỗ khi Công ty bán heo. Do đó, xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự, hợp đồng hợp tác gia công chăn nuôi heo (lợn) giữa nguyên Công ty Cổ phần C (M), địa chỉ: Thị tứ B, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên và bị đơn là ông Trần Văn K, sinh năm 1964, địa chỉ: Thị trấn Q, huyện Đ, Thái Nguyên, nơi thực hiện hợp đồng: Trại trại chăn nuôi của ông Trần Văn K tại: Thị trấn Q, huyện Đ, Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

+ *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không thỏa thuận được nên phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H1 vắng mặt có Giấy ủy quyền ông Trần Văn K1, anh Trần Văn T1, anh Nguyễn Trung H3, ông Dương Văn H2, bà Dương Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà H1, anh T1, anh H3, ông H2.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 10 tháng 3 năm 2023 Công ty Cổ phần Chăn nuôi C (M) ký Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công heo số 10/2003/HĐGCH - MFA. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai bên đương sự đều xác định việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, trên cơ sở đã bàn bạc, thỏa thuận và thống nhất các điều khoản nêu trong Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công heo số 10/2003/HĐGCH - MFA.

Xét Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công heo số 10/2003/HĐGCH - MFA ngày 10/3/2023 giữa Công ty C và ông Trần Văn K đã giao kết là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng có hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng các nội dung đã được thỏa thuận.

Theo hợp đồng và xác định của các bên đương sự chuồng nuôi số 4 xác định là một lứa (đợt) nuôi. Ngày 5/5/2023 Công ty đã giao 784 con heo con cho trại ông Trần Văn K để chăn nuôi gia công, có Biên bản bàn giao tài sản lập ngày 6/5/2023. Căn cứ theo hợp đồng thời gian nuôi từ 3 - 5 tháng, trọng lượng Công ty nhận lại khoảng 110 - 120kg /1 con. Trong những trường hợp cần thiết Công ty được quyền lấy heo có trọng lượng thấp hơn 90kg và có thời gian nuôi dưới 3 tháng. Về thanh toán tiền nuôi gia công: Sau khi xuất chuồng lứa heo, hai bên sẽ tính toán, đối chiếu toàn bộ vật tư, chi phí và tiến hành lập hồ sơ thanh toán, bên ông K phải có đơn đề nghị thanh toán kèm theo đầy đủ các giấy tờ khác theo quy định của hợp đồng. Trên cơ sở hoàn thiện hồ sơ thanh toán của ông K, Công ty sẽ thanh toán tiền nuôi gia công cho ông K trong thời gian 14 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán của ông K. Trong trường hợp chất lượng nuôi của lứa nuôi không bình thường, Công ty có quyền mời ông K đến để trao đổi cùng khắc phục, có thể dẫn đến trả tiền chậm hơn 21 ngày nêu trên được xem là không vi phạm hợp đồng. Đối với việc một trong các bên vi phạm các điều khoản của hợp đồng thì bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Về việc giải quyết tranh chấp: Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng có thể được giải quyết thông qua đàm phán và thảo luận. Trường hợp không thương lượng, thỏa thuận được thì có thể khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền.

Quá trình thực hiện hợp đồng chăn nuôi gia công heo tại chuồng 4, đến ngày 20/9/2023 Công ty và ông K đã thống nhất xuất 249 con heo đạt tại chuồng số 4, tới ngày 28/9/2023 thống nhất xuất tiếp 170 con tại chuồng nuôi số 4, tổng trọng lượng là 52.827kg. Tuy nhiên, đến ngày 30/9/2023 ông K không đồng ý cho Công ty xuất nốt số heo còn lại của chuồng 4 tại thời điểm ngày 30/9/2023 là 103 con. Ngày 4/10/2023 Công ty yêu cầu ông K cho xuất nốt số heo còn lại của

chuồng 4 lần thứ 2, lúc này tại chuồng chỉ còn 82 con nhưng ông K tiếp tục không đồng ý cho xuất. Lý do ông K không cho Công ty xuất nốt số heo tại chuồng 4 là do Công ty chậm thanh toán tiền các chuồng trước và chuồng 8 chưa thanh toán.

HĐXX xét thấy, căn cứ theo quy định tại Điều 2, Điều 4, Điều 10 Hợp đồng số 10/2003/HĐGCH - MFA, việc ngày 30/9/2023 ông K không cho Công ty lấy heo tại chuồng 4 là vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng quy định của hợp đồng, trường hợp có phát sinh vướng mắc, tranh chấp ông K phải thương lượng với Công ty, nếu không được thì có thể khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền, không được tự ý ngăn cản việc thu hồi tài sản của Công ty. Do vậy, việc ông K giữ lại heo của Công ty là vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại cho Công ty. Do đó Công ty yêu cầu khởi kiện buộc ông K phải bồi thường cho Công ty giá trị của 29 con heo là có căn cứ, xét thấy cần được chấp thuận.

Về trọng lượng của 29 con heo để tính giá trị: Theo yêu cầu khởi kiện của Công ty đề nghị tính theo số kg của 70 con heo đã được cho lên xe, cân ngày 23/10/2024 là 9.973kg, chia trung bình mỗi con heo có trọng lượng 142,47kg, 29 con heo bằng 4.131kg; Căn cứ trên yêu cầu phản tố của bị đơn và xác định của bị đơn tại phiên tòa số kg heo của tổng 489 con heo để tính tiền nuôi gia công là số kg của số 419 con heo xuất trước với trọng lượng 52.827kg và 70 con xuất sau ngày 23/10/2023 có cân trọng lượng là 9.973kg. Như vậy, cả nguyên đơn và bị đơn đều cùng dùng số kg của 70 con heo cho lên xe, cân ngày 23/10/2023 là 9.973kg, chia trung bình mỗi con heo có trọng lượng 142,47kg để tính. Do đó, HĐXX xác định số trọng lượng mỗi con heo là 142,47kg, tổng 29 con heo là 4.131kg.

Về giá bán heo để tính giá trị: Công ty xác định giá bán heo thịt tại thời điểm phát sinh tranh chấp là 54.000 đồng - 55.000 đồng /1kg, do đó Công ty yêu cầu tính giá bán heo là 54.000 đồng để nhân với số kg buộc ông K phải thanh toán cho Công ty; Ông K xác định số 29 con heo ông nhận lại là heo đã yếu, kém chất lượng nên tổng số 29 con chỉ bán được giá 90.000.000 đồng đồ xô, tuy nhiên ông không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cũng như không biết tên, tuổi địa chỉ người mua, tại phiên tòa ông K xác định giá bán heo tại thời điểm phát sinh tranh chấp không đến 54.000đồng /1 kg như Công ty xác định mà chỉ khoảng 51.000 đồng - 52.000 đồng /1 kg heo đạt chuẩn. Do hai bên không thống nhất được về giá bán 1kg heo thịt tại thời điểm tranh chấp, HĐXX xét thấy xác định giá bán heo để tính giá trị là 53.000 đồng /1 kg là phù hợp.

Như vậy, cần buộc ông K phải bồi thường cho Công ty giá trị của 29 con heo là: 4.131 kg x 53.000 đồng/1 kg = 218.943.000 đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu phản tố của ông K.

Ông K có đơn yêu cầu phản tố buộc Công ty thanh toán: Tiền công chăn nuôi gia công heo chuồng 4 chưa thanh toán là 176.763.000 đồng; Tiền cám mua để chăn nuôi heo từ ngày Công ty gửi thông báo chấm dứt hợp đồng và không gửi cám lên cho trại từ ngày 10/10/2023 đến 23/10/2023 là 43.680.000 đồng; Tiền lãi do Công ty C1 thanh toán tiền gia công là 6.371.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu Công ty thanh toán cho ông K là: 226.814.000 đồng. Tại phiên tòa ông K xác định bán 29 con heo được 90.000.000 đồng, do đó yêu cầu buộc Công ty phải thanh toán cho ông số tiền chênh lệch còn lại là 136.814.000 đồng.

Xét yêu cầu buộc Công ty phải thanh toán tiền công chăn nuôi gia công heo tại chuồng 4:

Xét, Công ty và ông K đều xác định đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thanh toán tiền nuôi gia công chuồng 4 cho ông K, Công ty đồng ý thanh toán số tiền công nuôi gia công chuồng 4 cho ông K theo quy định.

Ông K xác định, tại thời điểm ngày 26/10/2023 ông H3, ông H2 là nhân viên Công ty xác định để lại 29 con heo cho trại để trả vào tiền gia công chăn nuôi heo chuồng 4 nhưng sau đó Công ty khởi kiện yêu cầu ông bồi thường giá trị 30 con heo, do đó, ông K có đơn phản tố yêu cầu Công ty phải thanh toán cho ông công gia công chăn nuôi heo chuồng 4 với số tiền là 176.763.000 đồng, không có số tiền bị phạt.

Công ty xác định số tiền công gia công và cộng các loại được thưởng của trại ông K là 177.470.115 đồng. Số tiền trại ông K bị phạt theo chỉ tiêu tiêu tốn thức ăn là 10.640.115 đồng. Trừ số tiền ông K bị phạt, tổng số tiền Công ty phải thanh toán tiền công chăn nuôi gia công chuồng 4 cho ông K là: 166,830,085 đồng, đề nghị đối trừ số tiền trên vào số tiền buộc ông K phải bồi thường cho Công ty.

HĐXX xét thấy, số tiền công chăn nuôi gia công heo chuồng 4 nguyên đơn và bị đơn tính có sự chênh lệch. Theo bảng tính của Công ty số tiền công gia công và cộng các loại được thưởng của trại ông K là 177.470.115 đồng, ông K tính là 176.763.000 đồng. Sở dĩ có sự chênh lệch là ông K chỉ tính trung bình 142kg /1 con, không tính chi tiết 142,47kg. Do đó, HĐXX xác định số tiền công gia công và cộng các loại được thưởng của trại ông K là 177.470.115 đồng là phù hợp. Căn cứ theo Phụ lục của Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công heo số 10/2003/HĐGCH - MFA ngày 10/3/2023 các bên ký kết, nếu trường hợp tỉ lệ tiêu tốn thức ăn cao hơn tiêu chuẩn 0,201 trở lên thì trại bị phạt trừ đi 205 đồng /1kg, do đó trại ông K bị phạt số tiền 10.640.115 đồng là phù hợp. Do đó, HĐXX xét thấy cần buộc Công ty C phải thanh toán cho ông K số tiền công chăn nuôi gia công heo tại chuồng 4 là 166,830,000 đồng là phù hợp.

Xét yêu cầu buộc Công ty phải thanh tiền cám mua để chăn nuôi heo từ ngày Công ty gửi thông báo chấm dứt hợp đồng và không gửi cám lên cho trại từ ngày 10/10/2023 đến 23/10/2023 là 43.680.000 đồng:

Xét ông K đã vi phạm hợp đồng như trên, không cho Công ty thu hồi tài sản là heo của Công ty, do đó việc ngày 11/10/2023 Công ty thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông K và ngừng cung cấp thức ăn chăn nuôi, vắc xin và thuốc thú ý là phù hợp. Do vậy, số tiền cám ông K phải tự bỏ ra để chăn nuôi heo tại chuồng 4 từ ngày 11/10/2023 đến 23/3/2023 là thiệt hại do ông K tự gây ra, không thể buộc Công ty phải bồi thường. Kèm theo đơn yêu cầu phản tố ông K không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho thiệt hại này.

Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu phản tố này của ông K không có cơ sở để chấp nhận.

Xét yêu cầu buộc Công ty phải thanh tiền lãi do Công ty C1 thanh toán tiền gia công các chuồng 1,2,3,5,6 là 6.371.000 đồng:

Về thời hạn thanh toán tiền nuôi gia công được quy định tại Điều 7 hợp đồng. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày kết thúc lứa nuôi hai bên phải đối chiếu các khoản chi phí, sau đó ông K phải làm hồ sơ thanh toán gửi Công ty. Trong thời gian 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán của ông K Công ty phải thanh toán tiền cho ông K.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngoài lời trình bày về thời gian đóng chuồng, thời gian Công ty thanh toán để trừ đi tính số ngày Công ty chậm thanh toán, ông K không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh để xác định chính xác ngày kết thúc lứa nuôi, ngày ông K hoàn thiện hồ sơ thanh toán gửi cho Công ty để xác định kể từ ngày Công ty nhận hồ sơ thanh toán của ông K có thanh toán cho ông K trong vòng 14 ngày như Hợp đồng hay không. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu phản tố này của ông K không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận một phần, đối trừ nghĩa vụ thanh toán giữa Công ty phải thanh toán cho ông K số tiền 166,830,000 đồng tiền công chăn nuôi gia công chuồng 4 và ông K phải bồi thường cho Công ty giá trị 29 con heo là 218.943.000 đồng. HĐXX xét thấy: Sau khi đối trừ, cần buộc ông K phải bồi thường cho Công ty số tiền là 52.113.000 đồng.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, do đó nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông K là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự do đó miễn án phí cho ông K.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều từ 542 đến Điều 552 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C (M) đối với ông K, buộc ông K phải bồi thường cho Công ty số tiền 218.943.000đ (hai trăm mười tám triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông K đối với Công ty Cổ phần C (M) về việc buộc Công ty Cổ phần C (M) phải thanh toán tiền công chăn nuôi gia công chuồng 4, số tiền Công ty Cổ phần C (M) phải thanh toán cho ông K là 166,830,000đ (một trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Đối trừ nghĩa vụ, buộc ông K phải bồi thường cho Công ty Cổ phần C (M) số tiền là 52.113.000đ (năm mươi hai triệu một trăm mười ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông K đối với Công ty Cổ phần C (M) về việc buộc Công ty Cổ phần C (M) phải thanh toán cho ông K số tiền:

- Tiền mua cám để chăn nuôi heo từ ngày 11/10/2023 đến 23/10/2023 là 43.680.000 đồng.

- Tiền lãi do Công ty C1 thanh toán tiền gia công các chuồng 1,2,3,5,6 là 6.371.000 đồng.

3. Về án phí:

- Ông K được miễn án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần C (M) số tiền 4.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005208 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn ngày tuyên án bản án, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Triệu Cẩm Chi